

Bản án số: 783/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Duyên

Bà Nguyễn Thị Ân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1453/2022/HNST ngày 11 tháng 10 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2023/QĐHPT ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc A, sinh năm 1985; Cư trú tại: Số H đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số D đường N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Nguyễn Phước Bảo K, sinh năm 1982; Cư trú tại: Số H (số mới 948/43/9) đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc A trình bày: Bà và ông Nguyễn Phước Bảo K đăng ký kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, bà A và ông K chung sống tại nhà của cha mẹ chồng tại địa chỉ 9 đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu bà và ông K chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017

cuộc sống hôn nhân của bà A và ông K bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng có nhiều áp lực do vợ chồng không có con. Hai vợ chồng bà cũng có nhiều lần ngồi lại để cùng nhau thay đổi, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Bà và ông K đã ly thân từ tháng 6 năm 2022, từ tháng 12 năm 2022 bà đã chuyển về địa chỉ số D đường N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống cho đến nay, trước đây bà đã nộp đơn yêu cầu ly hôn ông K tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, vì mong muốn vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nên bà đã rút lại đơn khởi kiện vào ngày 15/9/2022 nhưng bà và ông K vẫn không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K không còn, bà đề nghị Tòa án cho bà và ông K được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung: Bà A và ông K không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Phước Bảo K trình bày: Ông và bà Phan Thị Ngọc A đã kết hôn được 13 năm, ông biết bà Ngọc A có nguyện vọng ly hôn với ông, ông đã thuyết phục bà Ngọc A hòa giải hàn gắn hạnh phúc nhưng không thuyết phục bà Ngọc A được vì sau từng đó năm vợ chồng chung sống nhưng không có con chung. Nay ông chấp nhận mọi yêu cầu của bà Phan Thị Ngọc A, miễn sao bà Ngọc A cảm thấy tốt là được.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị Ngọc A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Ngọc A giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại đơn khởi kiện và các buổi làm việc tại Tòa án. Ông Nguyễn Phước Bảo K cũng làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông, ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Ngọc A với ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nghiên cứu. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc A được ly hôn với ông Nguyễn Phước Bảo K. Về con chung: Bà A và ông K không có con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc A đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà **Phan Thị Ngọc A** khởi kiện ông **Nguyễn Phước Bảo K** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án **quận G** đã tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho nguyên đơn và bị đơn, bà **Phan Thị Ngọc A** và ông **Nguyễn Phước Bảo K** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà **Phan Thị Ngọc A** và ông **Nguyễn Phước Bảo K**.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 180, Quyền số 01/2009 ngày 24 tháng 11 năm 2009 do Ủy ban nhân dân Phường A1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà **Phan Thị Ngọc A** và ông **Nguyễn Phước Bảo K** là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các biên bản ghi nhận lời khai của nguyên đơn, bị đơn thể hiện cuộc sống hôn nhân giữa bà **Phan Thị Ngọc A** và ông **Nguyễn Phước Bảo K** thực sự có mâu thuẫn, bà **Ngọc A** và ông **K** đã ly thân một thời gian dài, mục đích của quan hệ hôn nhân không đạt được, ông **Nguyễn Phước Bảo K** đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà **Ngọc A**. Hội đồng xét xử nhận thấy bà **Phan Thị Ngọc A** và ông **Nguyễn Phước Bảo K** thuận tình ly hôn nên ghi nhận.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Phan Thị Ngọc A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Phan Thị Ngọc A** phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Khoản 1 Điều 228 Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự có hiệu lực ngày 01/7/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà **Phan Thị Ngọc A**.

1. Về hôn nhân: Bà **Phan Thị Ngọc A** và ông **Nguyễn Phước Bảo K** thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Phan Thị Ngọc A** không yêu cầu giải quyết, Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà **Phan Thị Ngọc A** phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0049347 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà **Phan Thị Ngọc A** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- CCTHADS Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng